

Tên: .....

Từ vựng & Ngữ pháp HW: .....

Lớp: S4...

Nghe HW: .....

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....



## GE4 - Unit 5 & 6 - Vocabulary Revision

### A. THEORY: VOCABULARY REVISION

#### ❖ Getting around

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>ferry</b> (n)	phà	4	<b>canyon</b> (n)	hẻm núi sâu
2	<b>tuk-tuk</b> (n)	xe ba bánh chở khách	5	<b>cable</b> (n)	dây cáp
3	<b>zipwire</b> (n)	dây trượt mạo hiểm	6	<b>harness</b> (n)	đai an toàn

#### ❖ Road safety

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>reflective armbands</b> (n)	những cái băng tay phản quang	2	<b>pedestrian crossing</b> (n)	vạch sang đường cho người đi bộ

#### ❖ Getting around cities

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>a pier</b> (n)	bến tàu	3	<b>metro station</b> (n)	ga tàu điện ngầm
2	<b>a bridge</b> (n)	cây cầu			

#### ❖ Create an adventure story

No.	New word	Meaning	No.	New word	Meaning
1	<b>character</b> (n)	nhân vật	7	<b>catch bad guys</b> (phr)	bắt những kẻ xấu
2	<b>dilemma</b> (n)	tình huống khó xử	8	<b>science kit</b> (n)	bộ dụng cụ khoa học
3	<b>title</b> (n)	tiêu đề	9	<b>campsite</b> (n)	khu cắm trại
4	<b>setting</b> (n)	bối cảnh	10	<b>stare</b> (v)	nhìn chăm chăm
5	<b>detective</b> (n)	thám tử	11	<b>sniff</b> (v)	đánh hơi / ngửi
6	<b>solve a crime</b> (phr)	phá án			

#### ❖ HOMEWORK: Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>gear</b> (n)	đồ dùng, trang bị	4	<b>suggest</b> (v)	gợi ý, đề xuất
2	<b>geography</b> (n)	môn địa lý	5	<b>school cafeteria</b> (n)	căng tin trường học
3	<b>spring term</b> (n)	học kỳ mùa xuân	6	<b>total</b> (n)	tổng cộng

*\*Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; phr = phrase: cụm từ.*

*\*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 ĐỒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Extra vocabulary).*

### B. HOMEWORK (15 questions)

#### I. Read and choose the correct words to complete the sentences.

<del>stares</del>	science kit	sniffs	catch bad guys	campsite	character
-------------------	-------------	--------	----------------	----------	-----------

0. The boy stares at the picture on the wall.

1. The police help to ..... in the city.

2. The dog ..... the bag in the room.

3. The dog is a funny ..... in the story.
4. The boy uses a ..... to learn at home.
5. The children stay at a ..... near the forest.

## II. Read the text and choose the correct answers.

### Getting Around in the City

**Tom:** When I visit my grandma's house, we often travel by ferry. I like the ride because we can enjoy the view of the sea while crossing. The ferry is very safe, and I always wear my harness just in case. Sometimes, we also take a tuk-tuk to go around the city. It's fun, and you get to see many interesting places while riding in it.

**Lucy:** I live in a city with a lot of traffic. I often take the subway from the metro station to get to school because it's faster than taking the bus. I love the convenience of the subway, and I always make sure to follow the safety rules. Sometimes, I walk across the pedestrian crossing near the metro station to reach the park. It's the safest place to cross the road.

**Jake:** When I go on adventures with my family, we often visit natural parks. We once hiked up to a beautiful canyon in the mountains. The view was amazing! We also used a zipwire to get across a river, and I was really excited. The cable helped us get up the mountain, and we wore special gear to stay safe. I never forget to wear my reflective gear for visibility.

	Tom	Lucy	Jake
0. Who likes to travel by ferry?	<u>A</u>	B	C
1. Who uses the metro station to get to school?	A	B	C
2. Who went to a canyon during an adventure?	A	B	C
3. Who uses a tuk-tuk to travel around the city?	A	B	C
4. Who crosses the road at a pedestrian crossing?	A	B	C
5. Who used a zipwire to cross a river?	A	B	C

## III. Complete the sentences with PAST CONTINUOUS or PAST SIMPLE.

0. I was watching (watch) TV when she arrived (arrive).

1. They ..... (play) football when it started to rain.
2. We were walking in the park while the sun ..... (shine).
3. She ..... (read) a book when the phone rang.

4. While they were eating dinner, their friends ..... (talk) to them.

5. When I ..... (wake up), my brother ..... (play) video games.

#### IV. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/s4\\_w22\\_homework\\_flyers-part-2](https://soundcloud.com/ms-chi-english/s4_w22_homework_flyers-part-2)



#### FLYERS PART 2 - 5 questions

Listen and write. There is one example.

KATY'S HOLIDAYS	
Needs new:	<u>clothes</u>
Holiday:	
1 Where?	on a beautiful .....
2 Get there:	by .....
3 Who with?	.....
4 Sports:	swimming and .....
5 Homework:	.....

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

[https://soundcloud.com/ms-chi-english/s4\\_w22\\_homework\\_ket-part-2](https://soundcloud.com/ms-chi-english/s4_w22_homework_ket-part-2)



#### KET PART 2 - 5 questions

For each question, write the correct answer in the gap.

Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a teacher talking to a group of students about a leaving present for another teacher.

Mr. Snow's leaving present	
Teacher leaves next:	<u>month</u>
His age:	(6) ..... years old
Money still needed:	(7) £..... more
The present:	(8) DVD .....
Day of party:	(9) .....
Party's time:	(10) ..... in the evening